

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2025
Về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Như Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, về việc: “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm: 1966; Địa chỉ cư trú: A N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Võ Văn T1, sinh năm 1965; Địa chỉ cư trú: A N, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Bà T và ông Võ Văn T1 chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Đồng Nai ngày 17/10/1988, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cũng nhiều lần ông T1 đánh bà T, cả hai bất đồng quan điểm trong

cuộc sống mâu thuẫn không hàn gắn được hiện đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Bà T thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng và không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Có 03 người con chung là Võ Điền T2, sinh ngày 29/06/1990; Võ Điền Trúc T3, sinh ngày 16/02/1993 và Võ Điền Trúc T4, sinh ngày 07/04/2001, con đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Võ Văn T1 trình bày:

Ông T1 đồng ý với bà T về thời gian vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T đam mê cờ bạc, không chịu thay đổi, vợ chồng bất đồng nhiều vấn đề trong cuộc sống, hiện cả hai không còn chung sống khoảng 02 năm nay. Ông T1 nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng nhưng bà T và ông T1 chưa thỏa thuận xong với nhau về mặt tài sản nên ông T1 chưa đồng ý ly hôn, khi thỏa thuận về tài sản xong thì ông T1 mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 03 người con chung là Võ Điền T2, sinh ngày 29/06/1990; Võ Điền Trúc T3, sinh ngày 16/02/1993 và Võ Điền Trúc T4, sinh ngày 07/04/2001, con đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị T và ông Võ Văn T1.

- Về con chung: Có 03 người con chung là Võ Điền T2, sinh ngày 29/06/1990; Võ Điền Trúc T3, sinh ngày 16/02/1993 và Võ Điền Trúc T4, sinh ngày 07/04/2001, con đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn có đăng ký thường trú tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện chung sống, được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 312 ngày 17/10/1988, theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị T thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án cả bà T và ông T1 đều xác định không còn tình cảm với nhau, vợ chồng sống ly thân, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Tuy nhiên, ông T1 muốn giải quyết xong về tài sản với bà T thì mới đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thỏa thuận giải quyết về tài sản theo yêu cầu của ông T1 không phải là yếu tố để xem xét về việc ly hôn giữa cả hai, quá trình giải quyết vụ án ông T1 và bà T cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản để hai bên tự thỏa thuận. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là có thật, vợ chồng không có sự đồng cảm, quan tâm, chia sẻ buồn vui cùng nhau, bất đồng quan điểm, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai không còn tình cảm và đã sống ly thân với nhau một thời gian dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Có 03 người con chung là Võ Điền T2, sinh ngày 29/06/1990; Võ Điền Trúc T3, sinh ngày 16/02/1993 và Võ Điền Trúc T4, sinh ngày 07/04/2001, các con đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T được ly hôn với ông Võ Văn T1.
 - Về con chung: Có 03 người con chung là Võ Điền T2, sinh ngày 29/06/1990; Võ Điền Trúc T3, sinh ngày 16/02/1993 và Võ Điền Trúc T4, sinh ngày 07/04/2001, các con đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.
2. Về án phí: Bà Võ Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001895 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12, thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, bà T đã nộp xong án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/8/2025), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12. Tp HCM;
- THADS khu vực 12, Tp HCM;
- Các đương sự;
- UBND phường Bà Rịa, Tp HCM;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Mai